BỘ CÔNG THƯƠNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 65 /2026/TT-BCT	*Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2026*

THÔNG TƯ

Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 365/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ về kinh doanh xuất, nhập khẩu gạo

Căn cứ Nghị định số 351/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 365/2026/NĐ-CP của Chính phủ về kinh doanh xuất, nhập khẩu gạo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Xuất nhập khẩu.

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 365/2026/NĐ-CP của Chính phủ về kinh doanh xuất, nhập khẩu gạo.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết điểm e, điểm g khoản 1 Điều 14, Điều 19, điểm h khoản 1 Điều 23 và biện pháp thi hành khoản 2 Điều 18, điểm b, điểm c khoản 1 Điều 25, điểm a khoản 2 Điều 25 của Nghị định số 365/2026/NĐ-CP của Chính phủ về kinh doanh xuất, nhập khẩu gạo về:

1. Chỉ định thương nhân đầu mối ký kết và tổ chức thực hiện hợp đồng tập trung theo các Bản ghi nhớ, thỏa thuận về thương mại gạo do Bộ Công Thương chủ trì đàm phán, ký kết hoặc trình cấp có thẩm quyền ký kết được quy định tại khoản 2 Điều 18 của Nghị định số 365/2026/NĐ-CP.

2. Chế độ báo cáo của thương nhân kinh doanh xuất, nhập khẩu gạo.

3. Đánh giá mức độ tín nhiệm của thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với thương nhân kinh doanh xuất, nhập khẩu gạo và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Chương II
CHỈ ĐỊNH THƯƠNG NHÂN ĐẦU MỐI KÝ KẾT VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG TẬP TRUNG

Điều 3. Chỉ định thương nhân đầu mối giao dịch

1. Việc chỉ định thương nhân đầu mối giao dịch hợp đồng tập trung căn cứ vào các tiêu chí quy định tại khoản 2 Điều 19 của Nghị định số 365/2026/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Trường hợp từ hai thương nhân trở lên được chỉ định làm đầu mối tại một thị trường có hợp đồng tập trung thì thực hiện cơ chế đầu mối luân phiên theo quy định tại Điều 4 của Thông tư này.

Điều 4. Cơ chế đầu mối luân phiên

1. Cơ chế đầu mối luân phiên là cơ chế được áp dụng khi có từ hai thương nhân trở lên được chỉ định làm đầu mối tại một thị trường có hợp đồng tập trung nhưng cơ quan có thẩm quyền, hoặc nhà nhập khẩu nước ngoài được chỉ định yêu cầu mỗi đợt nhập khẩu gạo theo hợp đồng tập trung chỉ có một thương nhân được tham gia ký kết, giao dịch hợp đồng.

2. Trình tự cơ chế đầu mối luân phiên như sau:

a) Chậm nhất là 01 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của nước nhập khẩu về việc nhập khẩu gạo, thương nhân đến lượt luân phiên báo cáo Bộ Công Thương và sao gửi Hiệp hội Lương thực Việt Nam về khả năng tham gia đợt giao dịch.

Trường hợp thương nhân đầu mối đến lượt luân phiên kiến nghị không tham gia thì phải báo cáo rõ nguyên nhân với Bộ Công Thương đồng thời sao gửi Hiệp hội Lương thực Việt Nam và (các) thương nhân đầu mối khác.

b) Chậm nhất 01 ngày kể từ ngày nhận được kiến nghị từ chối tham gia giao dịch của thương nhân đầu mối đến lượt luân phiên, thương nhân đầu mối đến lượt luân phiên liền kề tiếp theo báo cáo với Bộ Công Thương đồng thời sao gửi Hiệp hội Lương thực Việt Nam về khả năng tham gia giao dịch.

Việc thay thế đi giao dịch, dự thầu sẽ không được tính là lượt luân phiên của thương nhân được cử đi thay thế và thương nhân được tiếp tục tham gia đợt giao dịch tiếp theo theo đúng lượt luân phiên chính thức của mình.

c) Trường hợp tất cả các thương nhân đầu mối không tham gia đợt giao dịch thì Bộ Công Thương chỉ định thương nhân khác tham gia giao dịch theo quy định.

d) Thương nhân tham gia đợt giao dịch báo cáo Bộ Công Thương trong trường hợp cần hỗ trợ thủ tục liên quan đến việc giao dịch.

3. Phân bổ chỉ tiêu cho các thương nhân đầu mối theo cơ chế luân phiên như sau:

Thương nhân đầu mối theo cơ chế luân phiên được trực tiếp xuất khẩu 20% lượng gạo trong hợp đồng tập trung, trong đó:

Thương nhân đầu mối ký kết hợp đồng tập trung được thực hiện 2/3 số lượng 20% lượng gạo trong hợp đồng tập trung. Các thương nhân đầu mối không tham gia ký kết hợp đồng tập trung được phân bổ số lượng gạo đều nhau trong 1/3 số lượng 20% lượng gạo trong hợp đồng tập trung.

Điều 5. Trách nhiệm của các thương nhân đầu mối trong cơ chế đầu mối luân phiên

1. Thương nhân đầu mối ký kết hợp đồng tập trung theo cơ chế đầu mối luân phiên có trách nhiệm:

a) Thực hiện các trách nhiệm quy định tại khoản 4 Điều 19 của Nghị định số 365/2026/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Thực hiện phần chỉ tiêu được phân bổ lại theo quy định tại khoản 2 Điều 9 của Thông tư này.

2. Thương nhân đầu mối không ký kết hợp đồng tập trung theo cơ chế đầu mối luân phiên có trách nhiệm:

a) Cùng thương nhân đầu mối ký kết hợp đồng tập trung và Hiệp hội Lương thực Việt Nam xây dựng phương án giao dịch.

b) Phối hợp với thương nhân đầu mối ký kết hợp đồng tập trung theo dõi tình hình thị trường và các vấn đề liên quan đến đợt giao dịch; trao đổi với Hiệp hội Lương thực Việt Nam về phương án giao dịch.

c) Tham gia chuẩn bị nguồn hàng để thực hiện hợp đồng; cùng thương nhân đầu mối ký kết hợp đồng tập trung tổ chức thực hiện hợp đồng đã ký.

d) Thực hiện phần chỉ tiêu được phân bổ lại theo quy định tại khoản 3 Điều 4 và khoản 2 Điều 9 của Thông tư này.

đ) Các thương nhân quy định tại khoản này có trách nhiệm thực hiện phần lượng gạo quy định tại điểm d khoản này theo tỷ lệ bằng nhau.

Điều 6. Đối tượng được phân bổ chỉ tiêu ủy thác xuất khẩu

1. Việc phân bổ chỉ tiêu thực hiện hợp đồng tập trung cho các thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo để uỷ thác xuất khẩu thực hiện theo quy định và tiêu chí quy định tại khoản 6 Điều 19 của Nghị định số 365/2026/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Các thương nhân không thuộc trường hợp được phân bổ chỉ tiêu:

a) Thương nhân không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo.

b) Thương nhân đang thuộc các trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 19 của Nghị định số 365/2026/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 7. Phân bổ chỉ tiêu ủy thác xuất khẩu

1. Sau khi nhận được báo cáo của thương nhân đầu mối về việc đàm phán, giao dịch, dự thầu hoặc kết quả ký kết hợp đồng tập trung, Bộ Công Thương thông báo việc đăng ký danh sách thực hiện chỉ tiêu thực hiện hợp đồng tập trung cho các Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Căn cứ thông báo của Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi thương nhân đặt trụ sở chính rà soát các thương nhân có nhu cầu nhận chỉ tiêu ủy thác xuất khẩu theo quy định của Nghị định số 365/2026/NĐ-CP và Điều 6 của Thông tư này; tổng hợp danh sách các thương nhân thuộc đối tượng được phân bổ chỉ tiêu gửi Bộ Công Thương.

3. Căn cứ danh sách thương nhân do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi thương nhân đặt trụ sở chính cung cấp và cân đối nguồn gạo hàng hóa, tình hình mùa vụ thu hoạch trong nước do Bộ Nông nghiệp và Môi trường cung cấp, Bộ Công Thương thực hiện phân bổ chỉ tiêu theo quy định của Nghị định số 365/2026/NĐ-CP của Chính phủ và của Thông tư này.

4. Bộ Công Thương thông báo bằng văn bản việc phân bổ chỉ tiêu thực hiện hợp đồng tập trung gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và thương nhân đầu mối để tổ chức thực hiện.

5. Căn cứ văn bản việc phân bổ chỉ tiêu thực hiện hợp đồng tập trung, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo cho các thương nhân để tổ chức thực hiện.

Điều 8. Nguyên tắc phân bổ chỉ tiêu ủy thác xuất khẩu

1. Bộ Công Thương phân bổ chỉ tiêu thực hiện hợp đồng tập trung cho các thương nhân đáp ứng các tiêu chí tại các điểm a, b, c và d khoản 6 Điều 19 của Nghị định số 365/2026/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Lượng phân bổ chỉ tiêu thực hiện hợp đồng tập trung cho các thương nhân theo mức độ tín nhiệm. Thương nhân thuộc cùng nhóm tín nhiệm được phân bổ chỉ tiêu bằng nhau.

3. Trong thời gian chưa có kết quả đánh giá mức độ tín nhiệm của thương nhân, chỉ tiêu phân bổ cho thương nhân không vượt quá mức phân bổ trung bình của các thương nhân được phân bổ chỉ tiêu trong cùng đợt.

4. Thương nhân được phân bổ chỉ tiêu không vượt quá lượng mà thương nhân đăng ký theo thông báo quy định tại khoản 1 Điều 7 của Thông tư này.

5. Bộ Công Thương phân bổ chỉ tiêu theo các nguyên tắc sau:

a) Thương nhân thuộc nhóm tín nhiệm rất cao được phân bổ chỉ tiêu không lớn hơn chỉ tiêu của thương nhân đầu mối.

b) Thương nhân thuộc nhóm tín nhiệm cao được phân bổ chỉ tiêu không lớn hơn 50% chỉ tiêu thương nhân thuộc nhóm tín nhiệm rất cao.

c) Thương nhân thuộc nhóm tín nhiệm trung bình được phân bổ chỉ tiêu không lớn hơn 50% chỉ tiêu thương nhân thuộc nhóm tín nhiệm cao.

d) Thương nhân thuộc nhóm tín nhiệm thấp được phân bổ chỉ tiêu không lớn hơn 50% chỉ tiêu thương nhân thuộc nhóm tín nhiệm trung bình.

đ) Thương nhân thuộc nhóm tín nhiệm rất thấp được phân bổ chỉ tiêu không lớn hơn 50% chỉ tiêu thương nhân thuộc nhóm tín nhiệm thấp.

6. Lượng chỉ tiêu được phân bổ cho thương nhân đảm bảo theo nguyên tắc làm tròn đến đơn vị tấn.

7. Sau khi phân bổ, lượng còn lại không thể phân bổ theo nguyên tắc nêu trên, Bộ Công Thương phân bổ cho thương nhân đầu mối ký kết hợp đồng tập trung thực hiện nhưng không vượt quá 0,01% tổng lượng hợp đồng tập trung.

Điều 9. Trả lại chỉ tiêu ủy thác xuất khẩu

1. Trong trường hợp thương nhân không thực hiện được chỉ tiêu ủy thác đã được phân bổ, trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày có thông báo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại khoản 5 Điều 7 của Thông tư này, thương nhân phải có văn bản báo cáo gửi về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc trả lại phần chỉ tiêu không thực hiện được đồng thời sao gửi về Bộ Công Thương. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp chỉ tiêu trả lại của thương nhân và có văn bản gửi Bộ Công Thương.

2. Thương nhân không thực hiện chỉ tiêu hoặc thực hiện không hết chỉ tiêu mà không báo cáo trong thời hạn quy định thì được xác định là không thực hiện được chỉ tiêu ủy thác.

3. Trên cơ sở tổng hợp lượng gạo chỉ tiêu ủy thác xuất khẩu mà các thương nhân trả lại hoặc không thực hiện, Bộ Công Thương phân bổ lại cho thương nhân đầu mối. Trường hợp phân bổ lại cho các thương nhân đầu mối trong cơ chế đầu mối luân phiên thì thực hiện theo nguyên tắc thương nhân đầu mối ký kết hợp đồng tập trung thực hiện 2/3 lượng gạo, các thương nhân đầu mối không ký kết hợp đồng tập trung thực hiện 1/3 lượng gạo.

Chương III
CHẾ ĐỘ BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH XUẤT, NHẬP KHẨU GẠO

Điều 10. Báo cáo tình hình ký kết, thực hiện hợp đồng xuất khẩu gạo và lượng thóc gạo, tồn kho

1. Việc thực hiện báo cáo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 25 của Nghị định số 365/2026/NĐ-CP của Chính phủ thực hiện trên phần mềm báo cáo tại địa chỉ: baocao.moit.gov.vn.

2. Trường hợp phần mềm báo cáo có trục trặc kỹ thuật ảnh hưởng đến việc gửi dữ liệu, thương nhân gửi báo cáo dưới dạng tệp dữ liệu điện tử qua hòm thư điện tử: xuatkhaugao@moit.gov.vn và cập nhật dữ liệu trên phần mềm báo cáo trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày phần mềm báo cáo hoạt động bình thường.

Điều 11. Báo cáo định kỳ hàng quý, năm và báo cáo đột xuất tình hình hoạt động kinh doanh xuất khẩu gạo

1. Việc thực hiện báo cáo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 25 của Nghị định số 365/2026/NĐ-CP của Chính phủ thực hiện trên phần mềm báo cáo tại địa chỉ: baocao.moit.gov.vn.

2. Báo cáo định kỳ hàng quý, thương nhân gửi về Bộ Công Thương trước ngày 15 của tháng đầu quý kế tiếp. Báo cáo định kỳ hằng năm, thương nhân gửi về Bộ Công Thương trước ngày 15 tháng 01 của năm kế tiếp.

3. Thương nhân thực hiện Báo cáo đột xuất quy định tại điểm c khoản 1 Điều 25 của Nghị định số 365/2026/NĐ-CP của Chính phủ theo yêu cầu của Bộ Công Thương về tình hình thị trường xuất khẩu, tình hình sản xuất, kinh doanh, giá thóc, gạo, và các yêu cầu khác phục vụ mục đích quản lý điều hành xuất khẩu gạo.

4. Trường hợp phần mềm báo cáo có trục trặc kỹ thuật ảnh hưởng đến việc gửi dữ liệu, thương nhân gửi báo cáo dưới dạng tệp dữ liệu điện tử qua hòm thư điện tử: xuatkhaugao@moit.gov.vn và cập nhật dữ liệu trên phần mềm báo cáo trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày phần mềm báo cáo hoạt động bình thường.

Điều 12. Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh nhập khẩu gạo

1. Việc thực hiện báo cáo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 25 của Nghị định số 365/2026/NĐ-CP của Chính phủ thực hiện trên phần mềm báo cáo tại địa chỉ: baocao.moit.gov.vn.

2. Báo cáo định kỳ hàng quý, thương nhân gửi về Bộ Công Thương trước ngày 15 của tháng đầu quý kế tiếp. Báo cáo định kỳ hằng năm, thương nhân gửi về Bộ Công Thương trước ngày 15 tháng 01 của năm kế tiếp.

3. Thương nhân thực hiện báo cáo đột xuất quy định tại điểm a khoản 2 Điều 25 của Nghị định số 365/2026/NĐ-CP của Chính phủ theo yêu cầu của Bộ Công Thương về tình hình nhập khẩu gạo và các yêu cầu khác phục vụ mục đích quản lý nhà nước đối với hoạt động nhập khẩu gạo.

4. Trường hợp phần mềm báo cáo có trục trặc kỹ thuật ảnh hưởng đến việc gửi dữ liệu, thương nhân gửi báo cáo dưới dạng tệp dữ liệu điện tử qua hòm thư điện tử: nhapkhaugao@moit.gov.vn và cập nhật dữ liệu trên phần mềm báo cáo trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày phần mềm báo cáo hoạt động bình thường.

Chương IV
ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ TÍN NHIỆM CỦA THƯƠNG NHÂN KINH DOANH XUẤT KHẨU GẠO

Điều 13. Nguyên tắc đánh giá mức tín nhiệm của thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo

1. Điểm đánh giá mức độ tín nhiệm của thương nhân tối đa là 100 điểm, tối thiểu là 0 điểm.

2. Điểm đánh giá mức độ tín nhiệm của thương nhân là bình quân của các điểm tiêu chí thành phần được quy định tại khoản 1 Điều 14 của Nghị định số 365/2026/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 14. Thông báo kết quả tín nhiệm

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành đánh giá mức độ tín nhiệm, Bộ Công Thương đăng tải danh sách thương nhân theo mức độ tín nhiệm trên Cổng thông tin của Bộ Công Thương.

Điều 15. Kết quả hoạt động kinh doanh xuất khẩu gạo.

Tiêu chí kết quả hoạt động kinh doanh xuất khẩu gạo được đánh giá theo thang điểm 100 điểm, trong đó:

1. Thành tích xuất khẩu trong một năm: 50 điểm.

Tiêu chí thành tích xuất khẩu có điểm tối đa là 50 điểm, điểm tối thiểu là 10 điểm và được đánh giá như sau:

a) 10 thương nhân có thành tích xuất khẩu đứng đầu được tính điểm tương ứng từ 41 đến 50 điểm;

b) Thương nhân có thành tích xuất khẩu trên 100.000 tấn nhưng không thuộc nhóm thương nhân quy định tại điểm a khoản này được 40 điểm;

c) Thương nhân có thành tích xuất khẩu trên 50.000 tấn được 30 điểm;

d) Thương nhân có thành tích xuất khẩu trên 10.000 tấn được 20 điểm;

đ) Thương nhân có thành tích xuất khẩu từ 10.000 tấn trở xuống được 10 điểm.

2. Phát triển thị trường: 50 điểm.

Tiêu chí phát triển thị trường có điểm tối đa là 50 điểm, điểm tối thiểu là 10 điểm và được đánh giá như sau:

a) Thương nhân có hoạt động xuất khẩu sang cả ba nhóm thị trường gồm: thị trường truyền thống, thị trường thuộc các Hiệp định thương mại tự do (FTA) và các thị trường khác được 50 điểm;

b) Thương nhân có hoạt động xuất khẩu sang 02 trong 03 nhóm thị trường quy định tại điểm a khoản này được 30 điểm;

c) Thương nhân có hoạt động xuất khẩu sang 01 trong 03 nhóm thị trường quy định tại điểm a khoản này được 10 điểm.

Hằng năm, Bộ Công Thương công bố danh mục các thị trường thuộc từng nhóm quy định tại khoản này.

Điều 16. Kết quả thực hiện chế độ báo cáo và dự trữ lưu thông

Tiêu chí kết quả thực hiện chế độ báo cáo, dự trữ lưu thông được đánh giá theo thang điểm 100 điểm, trong đó:

1. Tiêu chí kết quả thực hiện chế độ báo cáo có điểm tối đa là 60 điểm, điểm tối thiểu là 0 điểm, được đánh giá như sau:

Thương nhân bị trừ điểm đối với kết quả thực hiện chế độ báo cáo trong các trường hợp sau:

a) Vi phạm về thời hạn báo cáo: Báo cáo sau thời hạn quy định nhưng không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn báo cáo hoặc thời hạn theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền bị trừ 01 điểm/báo cáo; trường hợp gửi báo cáo quá 05 ngày làm việc bị trừ 03 điểm/báo cáo.

b) Vi phạm về nội dung báo cáo: Báo cáo không đầy đủ, không chính xác hoặc không đúng biểu mẫu theo quy định bị trừ từ 01 đến 03 điểm/báo cáo.

2. Dự trữ lưu thông có điểm tối đa là 40 điểm, điểm tối thiểu là 08 điểm và được tính điểm như sau:

a) Mức dự trữ lưu thông đạt trên 25% số lượng gạo mà thương nhân đã xuất khẩu trong 06 tháng trước đó: 40 điểm;

b) Mức dự trữ lưu thông đạt từ 20% đến 25% số lượng gạo mà thương nhân đã xuất khẩu trong 06 tháng trước đó: 32 điểm;

c) Mức dự trữ lưu thông đạt từ 15% đến dưới 20% số lượng gạo mà thương nhân đã xuất khẩu trong 06 tháng trước đó: 24 điểm;

d) Mức dự trữ lưu thông đạt từ 10% đến dưới 15% số lượng gạo mà thương nhân đã xuất khẩu trong 06 tháng trước đó: 16 điểm;

đ) Mức dự trữ lưu thông đạt từ 5% đến dưới 10% số lượng gạo mà thương nhân đã xuất khẩu trong 06 tháng trước đó: 08 điểm;

Trường hợp thương nhân không có thành tích xuất khẩu trong 06 tháng trước đó, điểm dự trữ lưu thông được xác định bằng mức điểm quy định tại điểm đ khoản này.

Tiêu chí dự trữ lưu thông được đánh giá liên tục trong năm và dùng điểm trung bình để tính kết quả cuối cùng.

Mức dự trữ lưu thông được ghi nhận theo báo cáo của thương nhân vào ngày 05 hàng tháng và báo cáo đột xuất được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 11 của Thông tư này.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2026.

2. Thông tư này bãi bỏ:

a) Thông tư số 30/2018/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 107/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh xuất khẩu gạo;

b) Thông tư số 35/2025/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 30/2018/TT-BCT ngày 01 tháng 10 năm

2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 107/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh xuất khẩu gạo và Thông tư số 42/2019/TT-BCT ngày 18 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về chế độ báo cáo định kỳ tại các thông tư do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành hoặc liên tịch ban hành.

3. Thông tư này bãi bỏ Điều 26 của Thông tư số 42/2019/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về chế độ báo cáo định kỳ tại các Thông tư do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành hoặc liên tịch ban hành.

4. Danh mục chi tiết theo mã HS đối với thóc, gạo xuất khẩu quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 08/2023/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương được tiếp tục thực hiện cho đến khi có văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 18. Điều khoản chuyển tiếp và tổ chức thực hiện

1. Thương nhân đã được chỉ định làm đầu mối giao dịch trước khi Thông tư này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện đến khi Bản ghi nhớ, thoả thuận giữa cơ quan có thẩm quyền của Chính phủ Việt Nam với cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài và các hợp đồng xuất khẩu gạo được ký kết theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ hết hiệu lực hoặc có đề xuất của nước nhập khẩu về việc thay đổi thương nhân đầu mối.

2. Đối với hợp đồng xuất khẩu gạo đã được đăng ký, hợp đồng tập trung đã được phân bổ thực hiện trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện mà không phải đăng ký, phân bổ lại.

3. Đánh giá mức độ tín nhiệm của các thương nhân xuất khẩu gạo và việc triển khai các nội dung liên quan đến mức độ tín nhiệm tại Thông tư này thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2028.

4. Trong thời gian chưa thực hiện đánh giá mức độ tín nhiệm của thương nhân, chỉ tiêu được phân bổ bằng nhau cho các thương nhân đăng ký và đáp ứng điều kiện được phân bổ chỉ tiêu theo quy định tại Nghị định số 365/2026/NĐ-CP của Chính phủ và của Thông tư này.

5. Cục Khoa học, Công nghệ và Chuyển đổi số phối hợp với Cục Xuất nhập khẩu xây dựng, vận hành và nâng cấp hệ thống báo cáo tại địa chỉ: baocao.moit.gov.vn đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ được đề xuất, phù hợp với các quy định tại Nghị định 365/2026/NĐ-CP của Chính phủ và của Thông tư này.

6. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có vấn đề phát sinh hoặc vướng mắc, cơ quan, tổ chức, cá nhân và thương nhân kinh doanh xuất, nhập khẩu gạo phản ánh về Bộ Công Thương (Cục Xuất nhập khẩu) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- UBND, HĐND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư Pháp;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính, Bộ Tư pháp;
- Cục Hải quan, Bộ Tài chính;
- Bộ Công Thương: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ;
- Hiệp hội Lương thực Việt Nam;
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, XNK (10b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ CÔNG THƯƠNG

Lương Hoàng Thái